

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 41/BC-VHXH ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2, bao gồm việc lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; người chưa tham gia bảo hiểm y tế; người có thẻ bảo hiểm y tế nhưng sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tự chi trả và các trường hợp được ngân sách nhà nước chi trả theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với các trường hợp lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cộng đồng do ngân sách nhà nước chi trả theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

3. Các nội dung khác liên quan đến giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

Chi tiết giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVT tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, SYT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Phạm Việt Thanh

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 02 /2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	Mức giá (đồng)
1	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200
2	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động mẫu đơn	30.800
3	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	212.700
a)	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400
b)	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300
4	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp	
a)	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	78.800
	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100
	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700
b)	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.500
	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300
	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200
c)	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	112.500
	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400
	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100
d)	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	97.200
	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200
	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000